

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 624/2023/HS-PT

Ngày: 18/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trong;

Bà Lê Thị Mai.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên
toà: Bà Lê Thị Thu Hà - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2023/TLPT-HS ngày 05 tháng 01 năm 2023; do có kháng cáo của bị cáo Phạm Thị B và bị hại là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ3, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 476/2022/HS-ST ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

* *Bi cáo có kháng cáo và bi kháng cáo:*

Phạm Thị B, tên gọi khác: Không; sinh năm 1974 tại Hà Tĩnh;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ dân phố số A, phường C, quận B, Thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Phạm Đức Đ và bà Nguyễn Thị M; chồng là Lê Văn Đ1; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo* Pham Thi B:

- Ông Tô Thế L và ông Nhâm Mạnh H, Luật sư Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

- Bà Nông Thị N, Luật sư Công ty L3 tỉnh Nghệ An, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh N, có mặt.

* *Bi hai có kháng cáo:*

Ngân hàng TMCP Đ3;

Địa chỉ: B N, H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L1, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân T, chức vụ: Giám đốc khối Quản lý và tái cấu trúc tài sản, vắng mặt.

** Bị cáo bị kháng cáo được Tòa án triệu tập:*

Lê Văn Đ1, tên gọi khác: Không; sinh năm 1974;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ dân phố số A, phường C, quận B, Thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Lê Văn T1 và bà Nguyễn Thị D; vợ là Phạm Thị B; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 21/12/2012, Công an quận B, Thành phố Hà Nội xử phạt hành chính 2.000.000 đồng về hành vi Gây rối trật tự công cộng có mang theo vũ khí thô sơ.

- Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2011/HSST ngày 14/06/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử phạt Lê Văn Đ1 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 04 năm 06 tháng (được khấu trừ 02 tháng 06 ngày tạm giam) về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” (đã xóa án tích).

- Bản án hình sự phúc thẩm số 374/2022/HSPT ngày 26/04/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của Cơ quan, tổ chức”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (chưa thi hành án).

Bị bắt và tạm giam từ ngày 22/11/2021; Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an Thành phố H, có mặt.

** Người bào chữa cho Lê Văn Đ1:* Bà Nông Thị N, Luật sư Công ty L3, tỉnh Nghệ An, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh N, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn Đ1 và Phạm Thị B là vợ chồng, tháng 03/2018 Lê Văn Đ1 cùng vợ là Phạm Thị B đến Công ty CP T2 (viết tắt là công ty T2), địa chỉ: Số A đường P, phường M, quận N, Hà Nội để mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz GLC 300 dưới hình thức trả góp ngân hàng. Công ty T2 tư vấn cho Đ1 vay tiền ngân hàng Thương mại cổ phần T3 (viết tắt là T4) - chi nhánh T5 (địa chỉ: Số A đường H, phường N, quận C, Hà Nội) và sử dụng ô tô mua làm tài sản đảm bảo.

Ngày 16/03/2018, Công ty T2 đã ký Hợp đồng bán hàng số UC18ADA005 với Lê Văn Đ1 và Phạm Thị B để bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz

GLC 300 UC, màu bạc, BKS: 30E-531.18, SK: RLM0G4KX5HV002212; SM: 27492030999189 với giá sau thuế là 02 tỷ đồng. Đồng và B đặt cọc trước 50 triệu đồng. Công ty T2 đã hoàn thiện hồ sơ, thủ tục cho Phạm Thị B để ngày 19/04/2018, Phạm Thị B đến Phòng C Công an Thành phố H làm thủ tục sang tên xe ô tô cho chủ phương tiện mới là Phạm Thị B.

Ngày 20/04/2018, Lê Văn Đ1 và vợ là Phạm Thị B ký hợp đồng vay kiêm thế chấp xe ô tô số: 270/2018/HDTD/PHG/01 với T4 chi nhánh T5 để vay khoản tiền 1.456.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm năm mươi sáu triệu đồng) với mục đích vay mua xe ô tô tiêu dùng theo hợp đồng bán hàng nêu trên, thời hạn vay là 72 tháng, từ ngày 24/04/2018 đến 23/04/2021. Ngày 23/04/2018, T4 đã giải ngân khoản vay vào tài khoản của Công ty T2 số tiền 1.456.000.000 đồng để thanh toán khoản tiền mua xe, đồng thời bàn giao xe cho Lê Văn Đ1 và Phạm Thị B sử dụng. Ngày 07/05/2018, Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 461497 cho xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz GLC 300 màu bạc, BKS: 30E-531.18 mang tên Phạm Thị B. T4 - chi nhánh T5 giữ bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô trên.

Cùng thời điểm trên theo Lê Văn Đ1 thì có Nguyễn Thị Y (sinh năm: 1978, trú tại: Tổ D T, quận H, Hà Nội) sử dụng số điện thoại 0967891399 gọi vào số điện thoại 0978409393 của Lê Văn Đ1 xưng là cán bộ ngân hàng V. Qua trao đổi, Y biết Lê Văn Đ1 đã thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz GLC 300 màu bạc, BKS: 30E-531.18 tại T4 để vay tiền và biết Lê Văn Đ1 có nhu cầu vay tiền. Y tư vấn cho Lê Văn Đ1 sẽ vay tiền tại ngân hàng khác bằng hình thức thế chấp xe ô tô trên. Y sẽ làm giúp Lê Văn Đ1 hồ s vay khoản tiền 01 tỷ đồng và dùng chiếc xe ô tô trên làm tài sản thế chấp. Lê Văn Đ1 phải trả công cho Y là 280.000.000 đồng; Lê Văn Đ1 hỏi Y về cách thức vay tiền. Y bảo sẽ dùng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả để hoàn thiện hồ sơ thế chấp vay tiền ngân hàng. Lê Văn Đ1 đồng ý và chuyển giấy chứng minh thư nhân dân, sổ hộ khẩu cùng đăng ký kết hôn của hai vợ chồng cho Y để làm hồ sơ vay.

Để hoàn thiện hồ sơ vay tiền Y hướng dẫn Lê Văn Đ1 nhờ một người đứng tên để hợp thức khoản vay. Lê Văn Đ1 đã nhờ em trai là Lê Thanh B1 (sinh năm: 1976, HKTT: C, quận B, Hà Nội) đứng tên cho Lê Văn Đ1 và Phạm Thị B vay số tiền 01 tỷ đồng. Đồng thời, Lê Văn Đ1 và Phạm Thị B cùng ký vào hợp đồng mua bán xe ô tô đề ngày 07/03/2018 giữa bên bán là Nguyễn Quỳnh C (trú tại: Đ, H, Hà Nội) bên mua là Phạm Thị B và Lê Văn Đ1 mua bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES-BENZ, số máy: 492030999189, số khung: 4KX5HV002212, BKS: 30E-531.18.

Ngày 26/04/2018, Y thông báo đã hoàn thiện hồ sơ vay vốn và hẹn Lê Văn Đ1 đến Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ3 (viết tắt là P) - chi nhánh T5, Phòng G (địa chỉ: Tòa nhà T - Khu đô thị M, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội) để ký hợp đồng.

Ngày 27/04/2018, Lê Văn Đ1 cùng Phạm Thị B đi xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES-BENZ, số máy: 492030999189, số khung: 4KX5HV002212, BKS: 30E-531.18 đến P - chi nhánh T5, Phòng G làm thủ tục thế chấp vay số tiền 01 tỷ

đồng. Để hợp thức mục đích “vay hoàn vốn mua xe ô tô”, Lê Văn Đ1 nhờ Lê Thanh B1 đứng tên làm người cho Lê Văn Đ1 vay tiền. Lê Văn Đ1 bảo Lê Thanh B1 đến P ký vào giấy cho vay tiền, giấy rút tiền từ ngân hàng, giấy lập tài khoản tại ngân hàng. Sau khi ký xong thủ tục, Lê Thanh B1 đi về. Cùng ngày Lê Văn Đ1 và Phạm Thị B sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký ô tô giả mang số 393568 do Phòng C Công an Thành phố H cấp ngày 12/03/2018 cho chủ xe tên Phạm Thị B (Đ1 khai do Y cung cấp) làm tài sản đảm bảo vay tiền của P. Lê Văn Đ1 và Phạm Thị B trực tiếp ký vào biên bản giao nhận giấy tờ làm tài sản bảo đảm là Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 393568; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 244/2018/HĐTD/PVB-MĐ ngày 27/04/2018 để vay 01 tỷ đồng của P, tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES-BENZ GLC300, màu bạc, BKS: 30E-531.18 và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 393568; khế ước nhận nợ số 244. Ngày 28/04/2018, P đã giải ngân số tiền 01 tỷ đồng vào tài khoản số 107000473877 mang tên Lê Thanh B1 mở tại P, tài liệu thể hiện tại giấy rút tiền ngày 28/04/2018, Lê Thanh B1 đã rút số tiền 01 tỷ đồng trên và chuyển cho Lê Văn Đ1, sau đó đến ngày 29/04/2018, Lê Văn Đ1 đưa cho Y 280.000.000 đồng trả tiền công làm hồ sơ như đã thỏa thuận. Y nhận tiền và viết giấy biên nhận có nội dung: “*Hôm nay ngày 29/04/2018, tại P. Tôi có nhận tiền của A Đ2 280.000.000 đồng, người nhận Nguyễn Thị Y Đã thanh toán 3 tháng lãi*”. Đ2 sử dụng chi tiêu cá nhân số tiền 720.000.000 đồng.

Sau khi vay tiền tại T4, Lê Văn Đ1 và Phạm Thị B không trả được tiền gốc, tiền lãi. Ngân hàng phát hiện Lê Văn Đ1 và Phạm Thị B đã mang xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES-BENZ GLC300, màu bạc, BKS: 30E-531.18 thế chấp tại P. Tính đến ngày 28/06/2022, Lê Văn Đ1 và Phạm Thị B chưa trả cho T4: Nợ gốc: 1.349.407.500 đồng; nợ lãi: 373.154.964 đồng; tổng dư nợ: 1.722.562.464 đồng. Đại diện theo ủy quyền của T4 đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

P cung cấp về hợp đồng vay tín dụng của khách hàng Lê Văn Đ1 và Phạm Thị B: Thể hiện Lê Văn Đ1 thế chấp xe ô tô có chứng nhận đăng ký xe 393568 để vay số tiền 1.000.000.000 đồng tại Ngân hàng; đã trả được số tiền 100.000.000 đồng. Tổng dư nợ của Lê Văn Đ1 và Phạm Thị B tạm tính đến ngày 13/09/2022 là 1.372.997.474 đồng (nợ gốc là 838.888.000 đồng, nợ lãi là 534.109.474 đồng). Đại diện theo ủy quyền của P đề nghị xử lý hành vi của Lê Văn Đ1 và các cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật, thu hồi toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi của khoản vay trả cho Ngân hàng.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Văn Đ1 khai: Khi làm hồ sơ vay tiền tại P, Lê Văn Đ1 biết Y sẽ giúp mình làm giả thông tin để đảm bảo thủ tục và hồ sơ tại P để vay 01 tỷ đồng. Lê Văn Đ1 đồng ý nhưng không bàn bạc, thỏa thuận với Phạm Thị B để làm giả đăng ký xe ô tô mục đích thế chấp vay tiền tại P. Lê Văn Đ1 nói dối và bảo Phạm Thị B ra Ngân hàng ký hợp đồng vay tiền để làm ăn. Tin chồng nên Phạm Thị B đã ký hợp đồng vay tiền tại ngân hàng theo hướng dẫn của Lê Văn Đ1. Phạm Thị B không đọc hợp đồng, không biết nội dung trong hợp đồng. Lê Văn Đ1 khai, khoảng giữa năm 2019, do Lê Văn Đ1 vay 400.000.000 đồng của Nguyễn Văn C1 (ở thôn N, phường X, quận B, Hà Nội) nên sau đó, Lê Văn Đ1 đã đưa chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz GLC 300, màu bạc, BKS: 30E-

531.18 cho C1 để làm tin (khi Đ1 đưa xe không có giấy tờ biên nhận). Lê Văn Đ1 đã cung cấp cho cơ quan điều tra 01 bản sao hay bản phô tô giấy viết tay nhận tiền của Nguyễn Thị Y.

Quá trình điều tra, Phạm Thị B khai: Tháng 04/2018, Lê Văn Đ1 có nhu cầu mua xe ô tô, thời điểm đó Lê Văn Đ1 đang có khoản vay tại FE C chậm thanh toán nên Lê Văn Đ1 không đứng được tên vay tiền Ngân hàng. Để tránh nợ xấu, Lê Văn Đ1 và Phạm Thị B thống nhất để Phạm Thị B đứng tên đăng ký xe, ngày 20/04/2018, Phạm Thị B và Lê Văn Đ1 đã ký hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô với T4. Đến ngày 27/04/2018, Phạm Thị B được Lê Văn Đ1 dẫn đến P để ký thêm 01 hợp đồng vay tiền. Do tin tưởng Lê Văn Đ1 nên Phạm Thị B không đọc nội dung hợp đồng, mà chỉ ký tên dưới bản hợp đồng. Phạm Thị B chưa nhìn thấy giấy đăng ký xe ô tô giả mà Lê Văn Đ1 sử dụng để vay tiền P và không biết nguồn gốc giấy đăng ký xe ô tô giả này. Phạm Thị B không biết xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz GLC 300, màu bạc, BKS: 30E-531.18 hiện ở đâu. Phạm Thị B không sử dụng số tiền vay ngân hàng và không biết Lê Văn Đ1 sử dụng vào việc gì.

Tại Bản kết luận giám định số 3444/KLGD-PC09-23 ngày 27/04/2021 của Phòng K - Công an Thành phố H kết luận:

1. Chữ viết dòng họ tên Lê Văn Đ1 dưới các mục “ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG”, “BÊN THẾ CHẤP” trên Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 270/2018/HĐTD/PHG/01, khách hàng đứng tên Lê Văn Đ1, Phạm Thị B ngày 20/04/2018; hợp đồng thế chấp xe ô tô số 244/2018/HĐBĐ/PVB-MB ngày 27/04/2018, bên thế chấp là Lê Văn Đ1, Phạm Thị B (ký hiệu A1,A2) so với chữ viết đứng tên Lê Văn Đ1 trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là chữ do cùng một người viết ra.

* Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Lê Văn Đ1 dưới các mục “ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG, BÊN THẾ CHẤP” trên Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 270/2018/HĐTD/PHG/01, khách hàng đứng tên Lê Văn Đ1, Phạm Thị B ngày 20/04/2018 và hợp đồng thế chấp xe ô tô số 244/2018/HĐBĐ/PVB-MB ngày 27/04/2018 bên thế chấp là Lê Văn Đ1, Phạm Thị B (ký hiệu A1,A2) so với chữ ký đứng tên Lê Văn Đ1 trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 có phải là chữ do cùng một người ký ra không.

2. Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Phạm Thị B dưới các mục “ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG”, “BÊN THẾ CHẤP” trên Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 270/2018/HĐTD/PHG/01, khách hàng đứng tên Lê Văn Đ1, Phạm Thị B ngày 20/04/2018; hợp đồng thế chấp xe ô tô số 244/2018/HĐBĐ/PVB-MB ngày 27/04/2018 bên thế chấp là Lê Văn Đ1, Phạm Thị B (ký hiệu A1,A2) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Thị B trên các mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 là chữ ký, chữ viết do cùng một người viết ra.

3. "CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ" số 461497 cần giám định không phát hiện thấy dấu vết tẩy xóa, sửa chữa. Hình dấu tròn PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐƯỜNG SẮT", chữ ký đứng tên Nguyễn Thanh H1 đúng với hình dấu, chữ ký mẫu hiện lưu tại Phòng K Công an Thành phố H.

4. CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ” số 393568 cần giám định là chứng nhận đăng ký xe ô tô giả.

Tại Bản kết luận giám định số 7332/KLGD-PC09-Đ3 ngày 11/10/2021 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận:

1. Chữ viết dòng họ tên Lê Văn Đ1 (dưới chữ ký) trên các mẫu giám định (gồm 01 Hợp đồng cho vay số 244/2018/HĐMB/PVB-MĐ, bên cho vay là Ngân hàng TMCP Đ3 - chi nhánh T5 đề ngày 27/04/2018; 01 bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng ngày 27/04/2018; 01 khế ước nhận nợ ngày 27/04/2018; 01 ủy nhiệm chi ngày 28/04/2018 chủ tài khoản Lê Văn Đ1) với chữ viết đứng tên Lê Văn Đ1 trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là chữ do cùng một người viết ra.

* Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Lê Văn Đ1 trên các mẫu giám định (gồm 01 hợp đồng cho vay số 244/2018/HĐMB/PVB-MĐ, bên cho vay là ngân hàng TMCP Đ3 - chi nhánh T5 đề ngày 27/04/2018; 01 bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng ngày 27/04/2018; 01 khế ước nhận nợ ngày 27/04/2018; 01 ủy nhiệm chi ngày 28/04/2018 chủ tài khoản Lê Văn Đ1) với chữ ký đứng tên Lê Văn Đ1 trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 có phải là chữ do cùng một người ký ra hay không.

2. Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Phạm Thị B trên các mẫu giám định (gồm 01 Hợp đồng cho vay số 244/2018/HĐMB/PVB-MĐ ngày 27/04/2018; 01 bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng; 01 Khế ước nhận nợ) với chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Thị B trên các mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 là chữ ký do cùng một người viết ra.

3. Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Lê Thanh B1 trên mẫu giám định (01 giấy rút tiền, người nhận tiền Lê Thanh B1 đề ngày 28/04/2018) với chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Thanh B1 trên các mẫu so sánh ký hiệu M5, M6 là chữ ký do cùng một người viết ra.

Tại Bản kết luận giám định số 6249/KL-KTHS ngày 12/09/2022 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận:

1. Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Phạm Thị B dưới chữ ký trên mẫu cần giám định (giao nhận giấy tờ làm tài sản đảm bảo ngày 27/04/2018) với chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Thị B trên các mẫu so sánh là chữ do cùng một người ký và viết ra.

2. Chữ viết dòng họ tên Lê Văn Đ1 dưới chữ ký trên mẫu cần giám định (giao nhận giấy tờ làm tài sản đảm bảo ngày 27/04/2018) với chữ viết đứng tên Lê Văn Đ1 trên các mẫu so sánh là chữ do cùng một người viết ra.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 476/2022/HS-ST ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã tuyên bố bị cáo Phạm Thị B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Thị B 07 năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Buộc Lê Văn Đ1, Phạm Thị B phải liên đới bồi thường cho ngân hàng Thương mại cổ phần Đ3 số tiền 728.888.000 đồng. Chia kỷ phần mỗi bị cáo phải nộp 364.444.000 đồng.

Ngoài ra Bản án còn xử phạt bị cáo Lê Văn Đ1 16 năm tù về tội :Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”; buộc lãi suất chậm thi hành án; trách nhiệm chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử, ngày 28/11/2022 bị hại là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ3 có đơn kháng cáo về trách nhiệm dân sự; ngày 24/11/2022 bị cáo Phạm Thị B có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phạm Thị B thay đổi nội dung kháng cáo từ xin giảm nhẹ hình phạt, sang kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phạm Thị B trình bày: Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi như bản án sơ thẩm đã mô tả. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng việc làm của bị cáo là quan hệ dân sự; vợ chồng bị cáo có vay tiền P nhưng bị cáo vẫn trả nợ gốc và nợ lãi khi đến hạn; việc bị cáo ký vào các hồ sơ vay vốn là do Lê Văn Đ1, chồng bị cáo bảo bị cáo ký, bị cáo không nắm được nội dung; bị cáo biết được chiếc xe ô tô đứng tên của bị cáo đã thế chấp tại hai ngân hàng để vay tiền, nhưng hành vi đó không phạm tội; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Lê Văn Đ1 *trình bày:* Hành vi phạm tội của bị cáo như bản án sơ thẩm đã quy kết là đúng, vợ bị cáo có ký vào các hồ sơ vay vốn nhưng theo yêu cầu của bị cáo để vay vốn làm ăn, vợ bị cáo không biết được giấy đăng ký xe thế chấp cho P là giấy giả; phía P kháng cáo về trách nhiệm dân sự bị cáo không chấp nhận, vì bị cáo đã phạm tội thì không phát sinh lãi suất.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:* Sau khi phân tích, đánh giá tính chất hành vi phạm tội của bị cáo; đánh giá các chứng cứ thấy rằng, cấp sơ thẩm quy kết đối với bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và xử phạt bị cáo 07 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt, nhưng không có căn cứ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận.

Đối với kháng cáo của bị hại thì hành vi của các bị cáo là hành vi trái pháp luật, từ đó dẫn đến hợp đồng vay vốn, hợp đồng thế chấp vô hiệu, nên không phát sinh lãi.

Từ các phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Tô Thế L bào chữa cho bị cáo Phạm Thị B phát biểu bào chữa: Hành vi của Phạm Thị B không cấu thành tội phạm, bị cáo là nạn nhân bị lừa sử dụng giấy tờ giả; Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, hình sự hóa quan hệ dân sự, cụ thể:

- Lê Văn Đ1 nhận 01 tỷ đồng do anh B1 chuyển, Lê Văn Đ1 sử dụng 720.000.000đ, còn 280.000.000đ Lê Văn Đ1 đã chuyển cho Y để trả công cho Y

vì đã làm hồ sơ vay vốn. Căn cứ hồ sơ vay vốn thì đến kỳ hạn trả nợ, các bị cáo vẫn thanh toán đầy đủ; Phạm Thị B ký vào hồ sơ vay vốn chỉ nhằm mục đích cho Lê Văn Đ1 vay tiền để kinh doanh, không nhằm mục đích chiếm đoạt.

- Ngày 07/5/2018 Phạm Thị B mới được cấp giấy đăng ký xe ô tô, nhưng tại biên bản định giá ngày 24/4/2018 của P thể hiện đã có hồ sơ mua, bán xe ô tô giữa Nguyễn Thị Quỳnh C2 và Phạm Thị B và giấy đăng ký xe giả. Chứng tỏ P buộc phải biết hợp đồng này là trái pháp luật vì hợp đồng không có công chứng, chiếc xe chưa thuộc sở hữu hợp pháp của ai; biên kiểm soát xe trong hợp đồng thể chấp không đúng với biên kiểm soát của xe. Do đó, có căn cứ khẳng định Phạm Thị B là nạn nhân ký vào hồ sơ có tài liệu giả do P cung cấp, nhưng cấp sơ thẩm lại chỉ buộc tội đối với Phạm Thị B, nhưng không xem xét hành vi của nhân viên Ngân hàng là có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm.

- Do P sử dụng tài liệu giả để cho vay 01 tỷ đồng thì hợp đồng vô hiệu, nên không có căn cứ xác định P bị thiệt hại, vì đây là số tiền vay vẫn được các bị cáo trả khi đến hạn, nên đây là quan hệ dân sự.

Từ các phân tích trên, Luật sư Tô Thế L đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 359 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên bố bị cáo Phạm Thị B không phạm tội.

Luật sư Nhâm Mạnh H phát biểu bổ sung: Đồng tình với quan điểm của Luật sư L; các hợp đồng mua bán xe, hợp đồng thế chấp đều không có công chứng, nên vi phạm pháp luật; P biết được giấy đăng ký xe ô tô thế chấp là giả nhưng vẫn cho thế chấp.

Luật sư Nông Thị N bào chữa cho Phạm Thị B và Lê Văn Đ1, trình bày: Hành vi gian dối của Phạm Thị B nhưng chưa dẫn đến yếu tố chiếm đoạt, quá trình điều tra chưa làm rõ lịch sử trả nợ của Phạm Thị B, vì đây là quan hệ tín dụng, nên cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; chưa làm rõ vi phạm nghĩa vụ trả nợ; cần điều tra làm rõ hai Ngân hàng có đồng ý cho Lê Văn Đ1 và Phạm Thị B thế chấp chiếc xe ô tô để vay tiền tại hai Ngân hàng hay không. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại là P có kháng cáo, nhưng vắng mặt không có lý do; đây là phiên tòa được mở lần thứ hai, bị hại đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Thị B thừa nhận đã thực hiện hành vi đúng như bản án sơ thẩm đã mô tả, nhưng bị cáo cho rằng mình không phạm tội mà hành vi của bị cáo chỉ là quan hệ dân sự. Tuy nhiên, xét thấy lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; đặc biệt là các kết luận giám định; nên đủ cơ sở kết luận: Lê Văn Đ1 và Phạm Thị B là vợ chồng, ngày 16/03/2018, Lê Văn Đ1 và Phạm Thị B mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz GLC 300, màu bạc, BKS: 30E-531.18 của Công ty T2 theo

hình thức trả góp vay tiền T4; Phạm Thị B đứng tên chủ xe theo Giấy chứng nhận đăng ký số 461497 do Công an Thành phố H cấp. Ngày 20/4/2018, Lê Văn Đ1, Phạm Thị B đã sử dụng xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz GLC 300, màu bạc, BKS: 30E-531.18 làm tài sản đảm bảo thế chấp vay số tiền 1.456.000.000 đồng của T4. Tuy nhiên, sau đó Lê Văn Đ1 thông qua một đối tượng tên Y để làm giả 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe số 393568 mang BKS: 30E-531.18. Mặc dù chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz GLC 300, màu bạc, BKS: 30E-531.18 đang thế chấp tại T4, đến ngày 27/04/2018, Lê Văn Đ1 và Phạm Thị B lại sử dụng Giấy đăng ký xe ô tô giả số 393568 cho xe ô tô BKS: 30E-531.18 mang tên Phạm Thị B để thế chấp, ký hợp đồng tín dụng vay và chiếm đoạt số tiền 01 tỷ đồng của P. Hành vi của Lê Văn Đ1 đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b Khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Hành vi của Phạm Thị B đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối cùng một xe ô tô nhưng đã thế chấp cho hai Ngân hàng để vay tiền nhằm mục đích chiếm đoạt. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của người bị hại, gây tâm lý hoang mang, tạo dư luận xấu, nên cần phải xử phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Như đã phân tích ở trên, thì bị cáo không bị oan; khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá đúng tính chất nghiêm trọng của vụ án, đã phân hóa đúng vai trò phạm tội của các bị cáo trong vụ án là bị cáo chỉ phạm tội với vai trò giúp sức cho bị Lê Văn Đ1 là chồng mình; mặc dù bị cáo cho rằng không biết việc chồng mình là Lê Văn Đ1 vay tiền, nhưng bị cáo thừa nhận có ký vào các hồ sơ vay vốn, hồ sơ thế chấp để tạo điều kiện cho Lê Văn Đ1 vay vốn; bản thân bị cáo có nhân thân tốt, từ trước tới nay chưa vi phạm gì, có hoàn cảnh khó khăn nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức án 07 năm là dưới khung hình phạt và là mức khởi điểm của khung hình phạt liền kề là có căn cứ, phù hợp với pháp luật; tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên hình phạt như bản án sơ thẩm là có căn cứ. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị tuyên bố bị cáo không phạm tội, hoặc hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của bị hại là P, thấy: Các bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối là dùng giấy đăng ký xe ô tô giả để thế chấp, vay vốn Ngân hàng; phía Ngân hàng đã thiếu sự kiểm tra, nên đã chấp nhận việc thế chấp tài sản không có thật; hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, nên giao dịch giữa các bị cáo và Ngân hàng trái pháp luật, không phát sinh hiệu lực; phía Ngân hàng cũng không chứng minh được thiệt hại cụ thể do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, mà

yêu cầu được thanh toán lãi suất như giao dịch dân sự hợp pháp là không có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc các bị cáo phải bồi thường cho P số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt là có căn cứ, đúng pháp luật, nên kháng cáo của bị hại không có căn cứ để chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị bác kháng cáo của Ngân hàng là phù hợp.

[6] Bị cáo không được chấp nhận kháng cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm, bị hại có kháng cáo về trách nhiệm dân sự không được chấp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị B, không chấp nhận kháng cáo của bị hại là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ3; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 476/2022/HS-ST ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, cụ thể:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phạm Thị B 07 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Buộc Lê Văn Đ1, Phạm Thị B phải liên đới bồi thường cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ3 số tiền 728.888.000 đồng. Chia kỷ phần mỗi bị cáo phải nộp 364.444.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với khoản tiền chưa thanh toán theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị cáo Phạm Thị B phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ3 phải nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp tại biên lai số 0001305 ngày 29/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội; xác nhận Ngân hàng đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 476/2022/HS-ST ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao Hà Nội;
- Công an Thành phố Hà Nội;
- Cơ quan THA HS Công an Thành phố Hà Nội;
- Tòa án Thành phố Hà Nội;
- Sở tư pháp Thành phố Hà Nội;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS - Thành phố Hà Nội;
- Bị cáo, bị hại có kháng cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, HCTP.

Thái Duy Nhiệm